

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhân Phái

2. Bà Trần Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng C, sinh năm 1980. Nơi đăng ký thường trú: Thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: Tổ A, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/02/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị B và anh Đặng C chung sống như vợ chồng từ năm 1998. Tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 16/4/2001. Sau khi đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm. Thời gian gần đây, anh C có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên thường xuyên gây gỗ và đánh đập chị B. Từ tháng 8/2018 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Nay chị B xác định

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đặng C.

Về con chung: Chị B trình bày vợ chồng có 04 người con chung là Đặng Thị B, sinh ngày 28/6/1998; Đặng Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/2001; Đặng Thị Hồng H, sinh ngày 29/5/2003; Đặng Hàn Quốc V, sinh ngày 22/3/2005. Cháu Đặng Thị B trên 18 tuổi, đã có gia đình, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu H, cháu V cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Đặng C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Huỳnh Thị B đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh của các cháu N, H, V, bản sao sổ hộ khẩu gia đình của anh C, chị B; bản sao chứng minh nhân dân chị B.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đặng C nhưng trong thời hạn luật định anh C không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình, bà Hồ Thị K (mẹ anh C) cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh C gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Gia đình đã thông báo, giao lại các văn bản trên cho anh C nhưng do bận công việc làm ăn anh C không đến Tòa án được.

Ngày 27/5/2019, anh Đặng C có đơn xin hoãn thời gian ly hôn với lý do: Các con còn nhỏ, chưa giải quyết tài sản chung của vợ chồng nên chưa đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa ngày 09/7/2019, anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giấy triệu tập cho anh C. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh C tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị B về việc xin ly hôn anh Đặng C. Về con chung: Đề nghị giao các cháu Đặng Thị Hồng N, Đặng Thị Hồng H, Đặng Hàn Quốc V cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Huỳnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Buộc chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thời gian mở phiên tòa, giấy triệu tập bị đơn anh Đặng C là hợp lệ nhưng anh C đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của anh Đặng C về việc xin hoãn thời gian giải quyết ly hôn thì Tòa án đã có thông báo số 1239/2019/TB-TA ngày 31/5/2019 trả lời đơn đồng thời hướng dẫn thủ tục yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án hôn nhân và gia đình. Nay thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đã hết, anh Đặng C cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Vấn đề về tài sản chung nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị B và anh Đặng C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P ngày 16/4/2001, do đó quan hệ hôn nhân giữa 2 người là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm. Chị B cho rằng anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2017, chị B đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ tháng 8/2018 cho đến nay vợ chồng tiếp tục sống ly thân, không quan tâm chăm sóc, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh C đã có hành vi đánh đập chị B gây thương tích. Tại phiên tòa, chị B giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị B, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị Huỳnh Thị B thấy rằng: Hiện tại cả 03 cháu Đặng Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/2001; Đặng Thị Hồng H, sinh ngày 29/5/2003; Đặng Hàn Quốc V, sinh ngày 22/3/2005 đang do chị B nuôi dưỡng, cả 3 cháu đều có nguyện vọng được ở với chị B nên áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị B về việc nuôi con. Giao các cháu N, H, V cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Đặng Thị B, sinh ngày 28/6/1998, trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con;

mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích nhưng chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị B. Chị Huỳnh Thị B được ly hôn anh Đặng C.

2. Về việc nuôi con chung: Giao các cháu Đặng Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/2001; Đặng Thị Hồng H, sinh ngày 29/5/2003; Đặng Hàn Quốc V, sinh ngày 22/3/2005 cho chị Huỳnh Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đặng C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung.

Anh Đặng C có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006461 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã L, huyện Phú Lộc,
tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Sang